**ĐÁP ÁN LÝ 10**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÂU** | **NỘI DUNG** | **ĐIỂM** |
| 1  (1,5đ) | - Nội năng: tổng động năng và thế năng của các phân tử cấu tạo nên vật.  - Hai cách thay đổi nội năng: thực hiện cộng và truyền nhiệt.  - Vd (mỗi ví dụ 0,25đ) | 0,5đ  0,5đ  0,5đ |
| 2  (1,25đ) | - Chất rắn kết tinh: chất rắn có cấu trúc tinh thể  - Đặc tính của chất rắn kết tinh :  + Các chất được cấu tạo từ cùng một loại hạt nhưng có cấu trúc tinh thể không giống nhau thì tính chất vật lý sẽ khác nhau.  + Mỗi chất rắn kết tinh có nhiệt độ nóng chảy xác định.  + Chất rắn kết tinh có thể là đơn tinh thể hay đa tinh thể. | 0,5đ  0,25đ  0,25đ  0,25đ |
| 3  (1,25đ) | - Quá trình đẳng tích: quá trình biến đổi trạng thái của một lượng khí trong đó thể tích không đổi.  - Nội dung định luật Sac-lơ  - Biểu thức định luật | 0.5đ  0,5đ  0,25đ |
| 4  (1đ) | - Biểu thức tính công cơ học  - Giải thích được học sinh B thực hiện công lớn hơn | 0,5đ  0,5đ |
| 5  (1,25đ) | V2 = 3,3 lít. | 0,25đ  0,75đ |
| 6  (1đ) | = 1mm.  = = 1253mm. | 0,5đ  0,5đ |
| 7  (1đ) | Wt = mgZ = 8J  Wđ = mv2 = 2,5J  W = Wđ + Wt = 10,5J | 0,5đ  0,5đ  0,5đ |
| 8  (1,5đ) | a. Tính vB:  Độ biến thiên động năng:  Công của các ngoại lực :  A = mg.AH(1 – )  Định lý động năng:  = mg.AH(1 – )  vB = 4m/s.  b. Quãng đường đi được trên mặt BC :  Định lý động năng:  =  s = 8m. | 0,25đ  0,5đ  0,25đ  0,5đ |